TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 -9-2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Kiên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đặng Song Hoàn**

Ông **Nguyễn Văn Tám**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thảo** – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà **Trần Thị Hiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bích L - sinh năm 1973; HKTT: 154 đường Đ, phường H, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc H – sinh năm 1970; HKTT: 154 đường Đ, phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-12-2018 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – bà Lê Thị Bích L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bích L và ông Trần Ngọc H sau một thời gian tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 04-11-1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông H hay nhậu rồi chửi bới làm ảnh hưởng đến cuộc sống hôn nhân và con cái. Vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng không được. Đến nay, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc và chia sẻ trong cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ

chồng không còn tôn trọng nhau nên bà L yêu cầu ly hôn ông Trần Ngọc H.

Về con chung: Bà L xác nhận, bà và ông H có 02 con chung tên là Trần Trung K, sinh ngày 25-4-1997 và Trần Phương M, sinh ngày 03-01-2003. Trần Trung K đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L yêu cầu nuôi Trần Phương M, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai - ông Trần Ngọc H trình bày: Ông H và bà L có đăng ký kết hôn năm 1996. Qua nhiều năm chung sống tương đối hạnh phúc, tuy nhiên cũng có lúc xô xát, cãi vã, trong thời gian trước ông H cũng có lỗi là uống rượu nên nóng tính. Do còn tình cảm với vợ nên ông H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Đề nghị Tòa án cho vợ chồng thời gian để tự hòa giải, sau 01 thời gian mà vợ chồng không tự hòa giải được được thì xử lý theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa thì thấy yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Lê Thị Bích L khởi kiện ông Trần Ngọc H về việc "ly hôn"; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt ông Trần Ngọc H tại phiên tòa: Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm, nhưng ông H vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bích L và ông Trần Ngọc H kết hôn từ năm 1996 tại UBND phường 7, thành phố Vũng Tàu theo giấy chứng nhận kết hôn số 120 quyển số 8 ngày 04-11-1996 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, bà L và ông H phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của bà L, ông H và kết quả xác minh tại địa phương nơi ông H và bà L cư trú, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L và ông H bất đồng quan điểm sống, ông H hay uống rượu về nhà to tiếng, chửi bới làm ảnh hưởng đến gia đình và con

cái. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho bà L và ông H giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng không đạt kết quả vì ông H không có mặt. Bà L cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông H, ông H cho rằng còn tình cảm với bà L, mong muốn được hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng tại các buổi hòa giải ông H cố tình không tham gia điều này thể hiện ông H không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ gia đình. Như vậy, khả năng hàn gắn tình cảm giữa bà L và ông H là không thể thực hiện được và mục đích hôn nhân không đạt nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông H là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Bích L đối với ông Trần Ngọc H.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là Trần Trung K, sinh ngày 25-4-1997 và Trần Phương M, sinh ngày 03-01-2003. Trần Trung K đã trưởng thành, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xenm xét. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu M, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà L thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông H không có ý kiến gì về con chung, cháu Trần Phương M có nguyện vọng sống với mẹ nên giao cháu M cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên ông H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị Bích L phải nộp 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 39, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bích L;

- *Về hôn nhân:* Bà Lê Thị Bích L được ly hôn với ông Trần Ngọc H.

- *Về con chung:* Bà L và ông H có 02 con chung là Trần Trung K, sinh ngày 25-4-1997 và Trần Phương M, sinh ngày 03-01-2003. Trần Trung K đã trưởng thành, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xenm xét. Giao cháu Trần Phương M cho bà Lê Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Lê Thị Bích L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010327 ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, bà L đã nộp xong.

- *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- UBND phường 7, TP.Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ;